

Bản tin chứng khoán

Trong số này

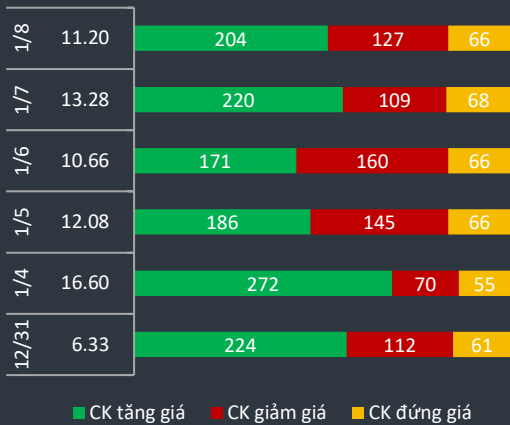
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



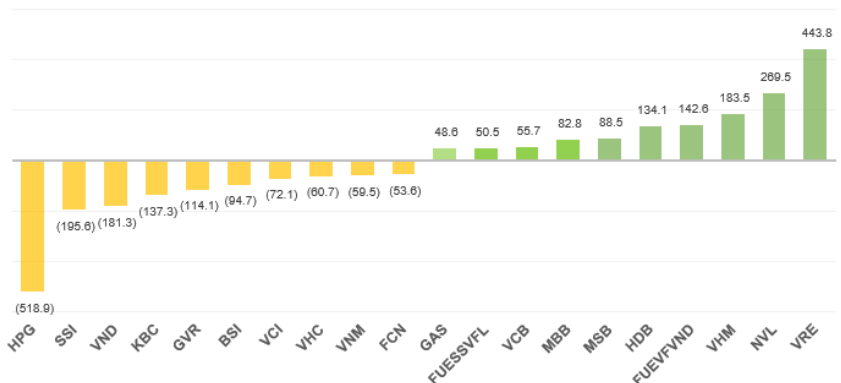
Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VRE	156.6
NVL	95.9
MSB	65.0
FUEVFNVD	60.9
HDB	40.5
VHM	32.5
MBB	18.0
BWE	8.9
VIC	6.5
DBC	6.0
MCH	5.8
PLX	(22.4)
KBC	(25.1)
GVR	(26.5)
VCB	(29.4)
VND	(37.5)
DXG	(58.4)
VIC	(68.3)
SSI	(74.5)
HPG	(305.0)

Thị trường phiên cuối tuần duy trì trạng thái tăng điểm tích cực 11.2 điểm. Tiền vào thị trường vẫn ồ ạt và vượt qua 16 ngàn tỷ riêng sàn HOSE. Ngoài HPG nhóm cổ phiếu giao dịch nhiều nhất như MBB, STB, TCB, ACB. Dù đã sau 1 tuần Sở giao dịch thay đổi cách khớp lệnh theo lô 100 nhưng tình hình vẫn không cải thiện là mấy. Nhà đầu tư vẫn mang trạng thái hồi hộp mỗi khi vào phiên chiều là tình trạng nghẽn lệnh lại xuất hiện. Nhưng có lẽ do đã khá quen nên hiện tượng chập chờn đó càng tạo điều kiện để nhà đầu tư gia tăng giao dịch để thúc đẩy chỉ số nhanh hơn.

Phiên cuối tuần nóng hơn với nhóm cổ phiếu dầu khí quay trở lại ở PVB, PVD, PCG, ASP. Nhưng nhóm ngân hàng mới là nhóm tạo ảnh hưởng lớn nhất dù đã tăng có chậm lại. VCB, BID, CTG điều chỉnh nhẹ và nhường chỗ cho nhóm ngân hàng thương mại STB, TCB, MSB, MBB tăng tốc. Theo thống kê thì khối tự doanh các công ty chứng khoán cũng lướt sóng mạnh cổ phiếu ngân hàng ở các nhóm TCB, MBB, VPB.

Khối ngoại bán ròng 372 tỷ trong phiên cuối tuần. Tính chung cả tuần khối ngoại có 3 phiên bán ròng và 2 phiên mua ròng với tổng giá trị bán ròng khoảng 350 tỷ. VRE, NVL, VHM, HDB, MSB, MBB, VCB là những cổ phiếu khối ngoại mua ròng nhiều nhất trong tuần trong khi bán ròng HPg, SSI, VND và KBC.



Vnindex 1,167.69

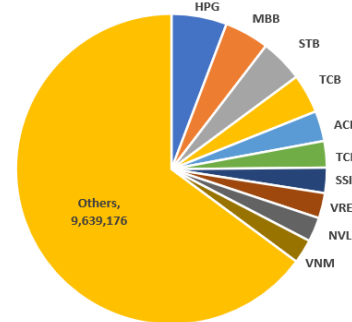
▲ +11.2 (+0.97%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
BCM	47.1	3,050	6.93
NVL	75.7	4,400	6.17
STB	19.4	950	5.15
VRE	35.5	1,600	4.72
TCB	35.7	1,100	3.18
MBB	26.6	700	2.70
GVR	29.0	700	2.47
HVN	29.2	600	2.10
BVH	68.3	1,300	1.94
VPB	35.6	650	1.86
VHM	96.4	1,600	1.69
VIC	111.8	1,700	1.54
VJC	126.5	1,900	1.52
VNM	112.0	1,600	1.45
FPT	63.3	800	1.28
MSN	93.1	1,100	1.20
HDB	27.1	300	1.12
PLX	56.2	600	1.08
ACB	30.2	300	1.00
PNJ	82.4	800	0.98
MWG	121.8	1,000	0.83
REE	51.3	300	0.59
TPB	28.5	150	0.53
SAB	198.2	400	0.20
GAS	92.7	-	-
HPG	42.8	(50)	(0.12)
DHG	108.0	(300)	(0.28)
POW	14.0	(50)	(0.36)
CTG	38.7	(150)	(0.39)
PDR	51.4	(200)	(0.39)
VIB	34.8	(250)	(0.71)
SSI	34.2	(250)	(0.73)
BID	48.5	(400)	(0.82)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Vnindex có 5 phiên tăng điểm rất đều trong tuần lễ vừa qua và kiếm thêm hơn 63 điểm đưa chỉ số index bắt đầu tiến gần hơn mốc 1200. Thanh khoản gia tăng theo mỗi tuần và liên tục phá các kỷ lục mới với giá trị giao dịch đã tăng gấp đôi so với 3 tháng trước. Sức nóng giao dịch dĩ nhiên là tốt cho thị trường và đó là nền tảng giúp chỉ số Index đứng vững khi các phiên có dấu hiệu điều chỉnh.

Nhóm ngân hàng vẫn đóng vai trò dẫn dắt chính trong thời gian tới kéo theo các nhóm ngành khác như chứng khoán, thép, bất động sản, xây dựng. Nhóm ngân hàng hiện nay có PE trung bình 13.8 và P/bv 1.75 – một mức khá hấp dẫn dù nhiều cổ phiếu đã tăng gấp đôi thời gian qua. Có khá nhiều cổ phiếu ngân hàng có Pe và P/bv thấp như TPB, VPB, HDB, MBB. Thị trường vẫn còn nhiều cơ hội tăng trưởng trong tuần này và nhà đầu tư tiếp tục ưu tiên nắm giữ nhóm ngân hàng, bất động sản và thép. Ưu tiên những cổ phiếu **VCB, CTG, HDB, MBB, STB, ACB, SSI, HCM, DXG, DIG, HDG, NLG, HBC, SZC, D2D, PHR, HSG, NKG, HPG.**

Cổ phiếu quan tâm:

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Lãi / Lỗ	Ngày đưa vào DM
GAS	92.7	7.00	75	95	Mua quanh 85. Mục tiêu 95	8.3%	12/7/2020
PNJ	82.4	1.70	65	85	Mua quanh 70-72. Mục tiêu 80-85	12.9%	11/11/2020
VCB	104.8	7.00	80	110	Nắm giữ	26.4%	10/28/2020
HPG	42.8	3.10	28	45	Mua quanh 33-34. Mục tiêu nâng lên 45	39.9%	10/28/2020
HBC	17.0	5.90	12.5	18	Mua quanh 14. Mục tiêu 18	32.8%	11/29/2020
MWG	121.8	2.40	90	130	Mua quanh 110-115. Mục tiêu 130	5.0%	12/25/2020
PHR	65.5	4.00	50	70	Nắm giữ.	21.3%	10/30/2020
D2D	64.3	3.40	50	70	Mua quanh 55. Mục tiêu 70	16.9%	12/7/2020
FPT	63.3	7.10	46	70	Mua quanh 50-51. Mục tiêu 70	24.4%	10/28/2020
HSG	24.1	8.80	14	27	Nắm giữ. Mục tiêu nâng lên 27	62.8%	10/28/2020
STB	19.4	14.80	11	22	Mua quanh 12.5-13. Nâng mục tiêu 22	44.8%	10/30/2020
GEX	23.4	4.00	21	28	Mua quanh 22-23. Mục tiêu 27	0.9%	12/30/2020
GVR	29.0	(3.20)	11.5	35	Nắm giữ	114.8%	10/28/2020
DXG	17.2	7.50	11	22	Mua quanh 12 Mục tiêu 22	33.3%	11/6/2020
NKG	15.9	6.00	14	22	Mua quanh 16. Mục tiêu 22	-0.6%	1/5/2021

(**bHB**) Với các vị thế chạm mục tiêu ngắn hạn, nhà đầu tư nếu kỳ vọng có thể tiếp tục nắm giữ hoặc hiện thực hóa lợi nhuận ½)

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

EVG	6.64
TVB	6.67
SAM	6.70
THG	6.70
VOS	6.71
ITC	6.74
CIG	6.76
PXT	6.86
SFG	6.87
TCH	6.87
DTA	6.90
HAG	6.91
IJC	6.94
LBM	6.94
TAC	6.95
CRC	6.96
VPS	6.98
TVS	6.98
DIC	11.11
LMH	12.50
HTT	14.29

Top tăng giá HNX

APS	9.09
SHN	9.09
LUT	9.09
DC2	9.38
LIG	9.46
NSH	9.62
VC9	9.62
TDT	9.69
QNC	9.80
PSI	9.84
DNC	9.88
VNT	9.98
WSS	10.00
BII	10.00
PVX	11.11
KHB	11.11
PVE	14.29
VIX	19.95
SGO	33.33

CNG - CTCP CNG Việt Nam – Đã thông báo kết quả kinh doanh năm 2020 với doanh thu 2.214 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 52 tỷ đồng, lần lượt vượt 3% và 7% so với kế hoạch năm đề ra. So với năm 2019, doanh nghiệp ghi nhận tăng nhẹ về doanh thu và giảm 38% về lợi nhuận sau thuế.

PET - Tổng công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí - Năm 2021 đơn vị lên kế hoạch doanh thu hợp nhất 14.000 tỷ đồng, tăng 13%; lãi trước thuế 280 tỷ đồng, tăng 36% so với thực hiện năm 2020.

Kết thúc năm 2020, Petrosetco ước doanh thu hợp nhất đạt 12.400 tỷ đồng, vượt 36,2% so với kế hoạch năm; lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 206 tỷ đồng, vượt 14,5% kế hoạch. So với thực hiện năm 2019, doanh nghiệp tăng 24% về doanh thu và 11,3% về lợi nhuận trước thuế.

TNH - CTCP Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên - Đã thông qua việc góp vốn 31,5 tỷ đồng thành lập CTCP Bệnh viện mắt Quốc tế TNH, tương ứng tỷ lệ 45%/vốn Công ty mới. Cùng với đó, TNH góp vốn 43,2 tỷ đồng, thành lập CTCP Bệnh viện sản phụ Quốc tế TNH, tương ứng tỷ lệ 40%/vốn Công ty mới.

VCG - Tổng CTCP Vinaconex - Ngày 11/1 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2019 và tạm ứng năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 12/1. Theo đó, cổ tức sẽ được trả tổng cộng 12% (mỗi đợt 6%), thanh toán bắt đầu từ ngày 11/2/2021.

PET - Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí - Đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021 với chỉ tiêu doanh thu hợp nhất 14.000 tỷ đồng, tăng 13% so với thực hiện năm 2020 và lợi nhuận trước thuế 280 tỷ đồng, tăng 36%.

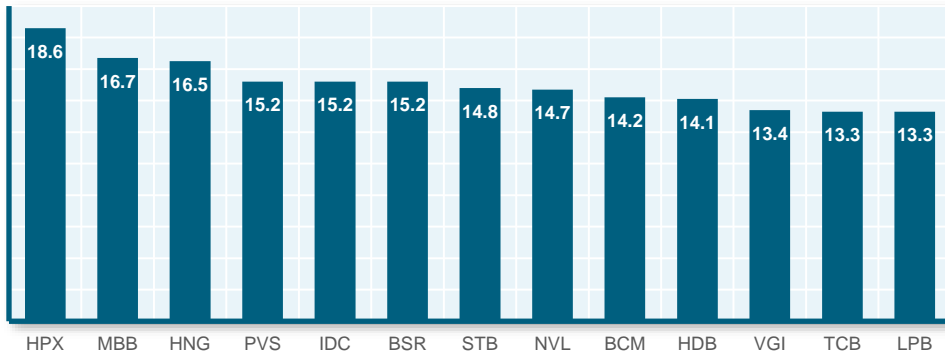
HDG - Công ty cổ phần Tập đoàn Hà Đô - Dự kiến chào bán tổng 250 tỷ đồng trái phiếu được chia làm hai đợt, đợt 1 là 210 tỷ đồng và đợt 2 là 40 tỷ đồng. Trong đó, đợt 1 sẽ phát hành trong vòng 90 ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực. Đợt 2 dự kiến thực hiện trong quý I/2021 – quý II/2021.

CMV - CTCP Thương nghiệp Cà Mau – Đã thông qua việc chốt danh sách cổ đông trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 15%, tương ứng 1 cổ phiếu sẽ được nhận 1.500 đồng. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông là ngày 22/1 và thời gian thanh toán cổ tức từ ngày 19/2/2021.

Bên cạnh đó, Công ty cũng sử dụng danh sách cổ đông vừa chốt trên để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm. Cụ thể, CMV dự kiến phát hành hơn 6 triệu cổ phiếu với tỷ lệ 2:1, tức cổ đông sở hữu 2 cổ phiếu sẽ được mua 1 cổ phiếu mới. Giá phát hành là 10.000 đồng/CP.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

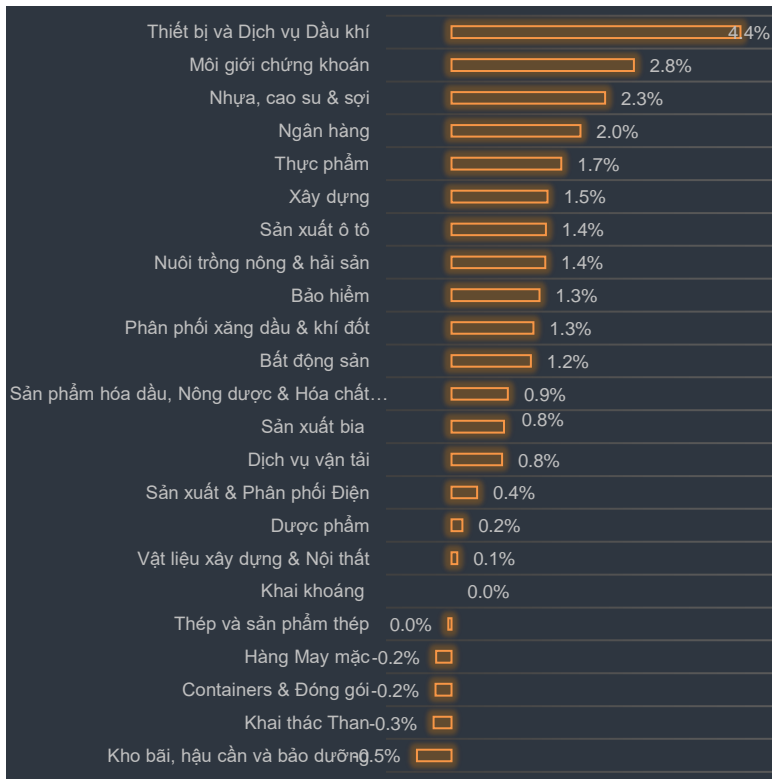
Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL Mua	KL Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VCB	HOSE	104.8	106,625	22.6	4.2	336,300	613,800	388,690	23.78	4,630	25,200
VIB	HOSE	34.8	45,287	7.8	2.6	9,600	300	38,551	20.22	4,490	13,340
TPB	HOSE	28.5	139,818	6.6	1.6	32,600	-	29,402	30.00	4,350	18,280
VPB	HOSE	35.6	170,034	8.6	1.8	241,500	197,000	87,266	22.77	4,150	20,260
HDB	HOSE	27.1	188,072	7.8	1.4	1,871,600	377,300	43,191	17.01	3,490	19,140
TCB	HOSE	35.7	673,235	11.2	1.8	-	-	125,125	22.49	3,180	19,620
ACB	HNX	30.2	470,331	9.8	2.0	-	-	65,279	30.00	3,090	15,230
MBB	HOSE	26.6	688,748	8.9	1.5	743,100	64,000	73,766	22.97	2,990	18,140
CTG	HOSE	38.7	327,357	13.1	1.7	212,000	351,500	144,096	28.90	2,950	22,230
BID	HOSE	48.5	99,377	22.8	2.5	55,000	43,300	195,068	17.41	2,130	19,450
LPB	UPCOM	14.1	274,457	8.2	1.0	25,800	87,693	15,099	4.86	1,720	14,090
SHB	HNX	19.1	548,351	12.3	1.4	35,900	7,800	33,527	7.25	1,550	13,600
ABB	HOSE	13.7	25,849	9.1	0.9	-	-	7,827	-	1,500	14,770
STB	HOSE	19.4	686,180	14.7	1.2	1,022,000	1,256,700	34,991	9.48	1,320	15,640
MSB	HOSE	20.6	186,397	16.1	1.5	3,207,100	37,000	24,205	29.30	1,280	13,750
BAB	HNX	21.5	56	26.5	1.9	-	-	15,233	-	810	11,570
EIB	HOSE	20.4	19,074	29.1	1.5	100	2,300	25,080	30.00	700	13,500
NVB	HNX	11.3	87,658	102.7	1.1	-	-	4,597	7.57	110	10,400
KLB	UPCOM	20.5	5,713	-	1.7	-	4,500	6,558	-	-	12,210



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	NBT	UPCoM	15/01/2021	18/01/2021	29/01/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	ICT	HOSE	14/01/2021	15/01/2021	28/01/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	TIP	HOSE	14/01/2021	15/01/2021	28/01/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	BMJ	UPCoM	13/01/2021	14/01/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:4, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
5	NTL	HOSE	13/01/2021	14/01/2021	27/01/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	CDP	UPCoM	13/01/2021	14/01/2021	28/01/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	BSP	UPCoM	12/1/2021	13/01/2021	29/01/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	A32	UPCoM	12/1/2021	13/01/2021	26/01/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	A32	UPCoM	12/1/2021	13/01/2021	26/01/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	TLG	HOSE	12/1/2021	13/01/2021	27/01/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	SDG	HNX	11/1/2021	12/1/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 10000:4202, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
12	VCG	HOSE	11/1/2021	12/1/2021	2/2/2021	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	VCG	HOSE	11/1/2021	12/1/2021	2/2/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	HNP	UPCoM	11/1/2021	12/1/2021	1/2/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	NSC	HOSE	11/1/2021	12/1/2021	29/01/2021	Trả cổ tức đợt 2/2019 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	NSC	HOSE	11/1/2021	12/1/2021	29/01/2021	Trả cổ tức đợt 2/2019 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	TCM	HOSE	11/1/2021	12/1/2021	4/2/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	TCM	HOSE	11/1/2021	12/1/2021	4/2/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	BWS	UPCoM	11/1/2021	12/1/2021	22/01/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	AMV	HNX	11/1/2021	12/1/2021	20/05/2021	Trả cổ tức đợt 1/2019 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	AMV	HNX	11/1/2021	12/1/2021	24/06/2021	Trả cổ tức đợt 2/2019 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	AMV	HNX	11/1/2021	12/1/2021		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:40	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
23	DPH	UPCoM	11/1/2021	12/1/2021	25/01/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	NJC	UPCoM	11/1/2021	12/1/2021	22/01/2021	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	PPY	HNX	8/1/2021	11/1/2021		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
26	DHP	HNX	8/1/2021	11/1/2021	28/01/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	TPS	UPCoM	8/1/2021	11/1/2021	25/01/2021	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	DNT	UPCoM	8/1/2021	11/1/2021	25/01/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

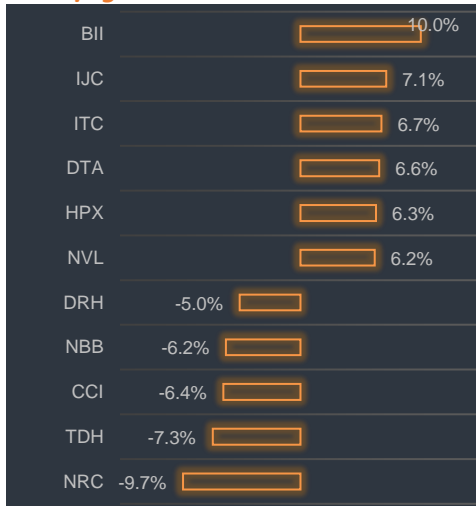
Tăng giảm ngành trong ngày



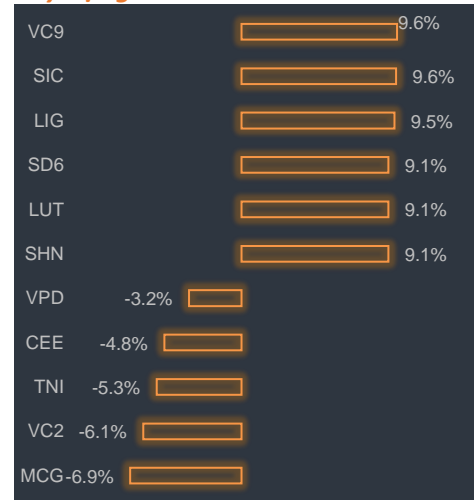
Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản:	BII, IJC, ITC
Xây dựng:	VC9, SIC, LIG
Dầu khí:	PVB, PVD, PCG
Chứng khoán:	VIX, SBS, WSS
Ngân hàng:	KLB, STB, TCB

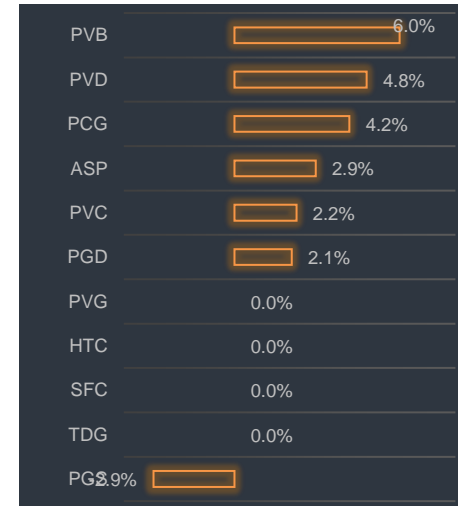
Bất động sản



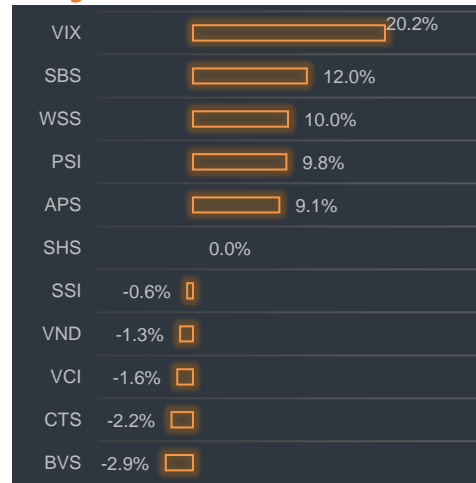
Xây dựng



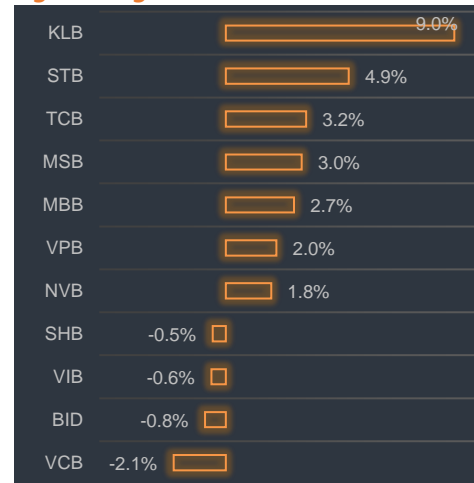
Dầu khí



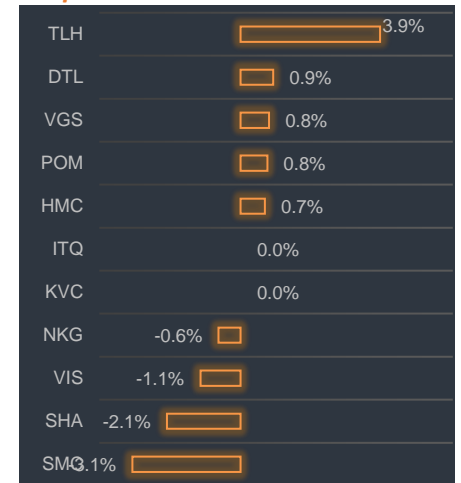
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931